

Số: 1072 /QĐ-UBND-HC

Đồng Tháp, ngày 04 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-TTg ngày 02/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1909/QĐ-BNN-KH ngày 27/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Chương trình hành động triển khai Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2986/TTr-SNN ngày 18/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- UBNDTTQVN Tỉnh;
- CT và các PCT/UBND Tỉnh;
- Hội Nông dân VN Tỉnh;
- Các Tổ chức CT-XH;
- Các hội, hiệp hội ngành hàng, hội nghề nghiệp trên địa bàn Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Lưu: VT, TTKSTTHC&PVHCC, NC/KT (VA).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Huỳnh Minh Tuấn

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững,
thích ứng biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 1072/QĐ-UBND-HC ngày 04 tháng 10
năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

I. Quan điểm phát triển

- Nông nghiệp tiếp tục là ngành kinh tế quan trọng của Tỉnh. Phát triển nông nghiệp hàng hoá tập trung với các ngành hàng chủ lực theo hướng hiện đại, giá trị gia tăng cao, nâng cao năng lực cạnh tranh gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch; bảo đảm an toàn thực phẩm, an ninh lương thực quốc gia, phát thải các-bon thấp, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn.

- Chuyển mạnh tư duy người sản xuất từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế, thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp.

- Xây dựng nông thôn văn minh, cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, hiện đại, trở thành nơi đáng sống; bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp, an ninh trật tự được giữ vững; phát triển môi trường, cảnh quan xanh - sạch - đẹp. Sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội, khai thác tốt các điều kiện thuận lợi trong hội nhập quốc tế cho phát triển lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn; phát huy cao nội lực, phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, chủ động tạo sinh kế nông thôn từ hoạt động phi nông nghiệp, tạo việc làm chính thức, thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa nông thôn, thành thị và giảm di cư lao động ra các thành phố lớn. Xây dựng nông thôn mới trên cơ sở phát huy lợi thế, tiềm năng của địa phương gắn kết chặt chẽ với quá trình đô thị hóa, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững.

- Xác định cư dân nông thôn là chủ thể, trung tâm và được hưởng lợi chính từ thành quả của các hoạt động phát triển nông thôn. Đổi mới hình thức hoạt động của các tổ chức của nông dân đảm bảo thực chất, hiệu quả; hỗ trợ đào tạo, trao quyền cho người dân để họ trở thành lực lượng chính trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội, quản lý tài nguyên môi trường; phát huy nội lực, tạo cơ hội bình đẳng trong tiếp cận các điều kiện phát triển và hưởng thụ phúc lợi xã hội. Phát triển kinh tế hợp tác làm động lực gắn kết kinh tế hộ, hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, xây dựng lực lượng lao động nông thôn có kiến thức, tay nghề cao đáp ứng yêu cầu phát triển mới. Phát triển cộng đồng làm nền tảng trong phát triển nông thôn, góp phần quản lý hiệu quả tài nguyên, môi trường, cơ sở hạ tầng; xây dựng nếp sống mới, phát huy tinh thần đoàn kết, tự chủ, sáng tạo của người dân nông thôn.

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện chính sách hỗ trợ hoạt động sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn và hiện đại hoá nông dân. Tăng cường huy động nguồn lực cho đầu tư, phát triển nông nghiệp, nông thôn thông qua hợp tác công tư; tạo điều kiện, hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Chuyển đổi tư duy “sản xuất nông nghiệp” sang tư duy “kinh tế nông nghiệp”, hướng đến xây dựng người nông dân chuyên nghiệp thích ứng kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ. Nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò và vị thế của người tham gia sản xuất nông nghiệp, tạo việc làm phi nông nghiệp để phát triển sinh kế đa dạng, giảm nghèo bền vững cho người dân nông thôn; phát triển nông thôn toàn diện gắn với xây dựng nông thôn mới, xây dựng “Làng thông minh”, cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ và tiệm cận với khu vực đô thị. Xây dựng nông thôn xanh - sạch - đẹp, an ninh, trật tự được đảm bảo; phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, sản xuất hàng hóa, hữu cơ gắn với phát triển du lịch sinh thái.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

(1) Phần đầu tốc độ tăng trưởng GRDP nông - lâm - thủy sản bình quân 3,5%/năm, tốc độ tăng năng suất lao động nông - lâm - thủy sản bình quân trên 7%/năm.

(2) Mở rộng và phát triển thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu. Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt bình quân từ 5 - 6%/năm¹.

(3) Thu nhập của cư dân nông thôn tăng 2,7 lần so với năm 2020. Phần đầu tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn giảm bình quân 0,32%/năm, theo đó đến năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo dưới 3% so với số hộ dân cư nông thôn.

(4) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 35%. Tỷ lệ nông dân được đào tạo nghề nông nghiệp đạt trên 40%.

(5) Có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 100% số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 35% số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

(6) Phát triển nền nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường nông thôn, phần đầu giảm phát thải khí nhà kính 10% so với năm 2020. Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức 1,6%. Tỷ lệ diện tích rừng sản xuất được quản lý bền vững có xác nhận đạt 50%.

(7) Tốc độ tăng thu nhập từ chế biến nông - lâm - thủy sản đạt trên 5%/năm.

(8) Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông - lâm - thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 30%.

¹ Theo Niên giám thống kê năm 2021 thì tốc độ tăng giá trị xuất khẩu nông lâm, thủy sản bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 5,89%/năm (năm 2015 đạt 728 triệu USD và năm 2020 đạt 969 triệu USD).

(9) Tỷ lệ sản lượng sản phẩm trồng trọt, thủy sản nuôi trồng được chứng nhận sản xuất bền vững (VietGAP, hữu cơ, đủ điều kiện sản xuất an toàn thực phẩm,...) trên 20%.

(10) Tỷ lệ cơ sở sản xuất chăn nuôi trên địa bàn xử lý chất thải bằng biogas hoặc các giải pháp công nghệ xử lý, sử dụng hiệu quả, sạch đạt trên 70%.

(11) Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp áp dụng biện pháp tưới tiết kiệm nước đạt trên 60%².

(12) Tư vấn hỗ trợ trên 70% doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn hoạt động kinh doanh trên các kênh thương mại điện tử.

(13) Có 14 làng thông minh, 14 hội quán ứng dụng IoT vào sản xuất; trên 50% hội quán, HTX có ứng dụng công nghệ để truy xuất nguồn gốc, có hoạt động thương mại điện tử.

(14) Hỗ trợ, tư vấn cho trên 80% nông dân biết ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) vào quy trình sản xuất, khai thác thông tin cung - cầu thông qua mạng Internet, mua bán trực tuyến.

3. Mục tiêu định hướng đến năm 2050

Định hướng đến năm 2050, tạo dựng hình ảnh nông nghiệp xanh, sinh thái, hữu cơ gắn liền với cảnh quan thiên nhiên sông nước, phát huy tốt vai trò trung tâm đầu mối nông nghiệp sinh thái nước ngọt và có sức cạnh tranh cao trong nhóm các tỉnh đạt trình độ phát triển cao của vùng đồng bằng sông Cửu Long; các sản phẩm chủ lực của Tỉnh được sản xuất theo công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường và tham gia sâu, rộng, bền vững trong chuỗi giá trị toàn cầu; thu nhập và chất lượng cuộc sống của người dân ở mức cao. Đồng Tháp là một trong nơi đáng sống và hạnh phúc của vùng với các tiêu chí hướng đến sự cân bằng, hài hòa và bền vững. Theo đó, phấn đấu thực hiện hoàn thành mục tiêu chính như:

(1) Phấn đấu tốc độ tăng trưởng GRDP nông - lâm - thủy sản bình quân 3%/năm, tốc độ tăng năng suất lao động nông - lâm - thủy sản bình quân trên 3,8%/năm.

(2) Thu nhập của cư dân nông thôn cơ bản tiệm cận với khu vực thành thị.

(3) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 30%. Tỷ lệ nông dân được đào tạo nghề nông nghiệp đạt trên 50%.

(4) Tỷ lệ diện tích rừng sản xuất được quản lý bền vững có xác nhận đạt 80%.

(5) Tốc độ tăng thu nhập từ chế biến nông - lâm - thủy sản đạt trên 7%/năm.

(6) Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông - lâm - thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 50%.

² Kỹ thuật tưới tiết kiệm nước là việc áp dụng quy trình kỹ thuật và thiết bị tiên tiến để tưới theo phương pháp nhỏ giọt, phun mưa, tưới ngầm, bảo đảm cấp nước theo nhu cầu của cây trồng cạn hoặc tưới ướt - khô xen kẽ cho cây lúa phù hợp từng giai đoạn sinh trưởng kết hợp với các biện pháp canh tác tiên tiến trong nông nghiệp.

(7) Tỷ lệ sản lượng sản phẩm trồng trọt, thủy sản nuôi trồng được chứng nhận sản xuất bền vững (VietGAP, hữu cơ, đủ điều kiện sản xuất an toàn thực phẩm,...) trên 50%.

(8) Tỷ lệ cơ sở sản xuất chăn nuôi trên địa bàn xử lý chất thải bằng biogas hoặc các giải pháp công nghệ xử lý, sử dụng hiệu quả, sạch đạt trên 80%.

(9) Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp áp dụng biện pháp tưới tiết kiệm nước đạt trên 70%, không còn sử dụng nước ngầm cho sản xuất nông nghiệp.

III. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN BỀN VỮNG, THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Hoàn chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với lợi thế cạnh tranh và yêu cầu thị trường

1.1. Đối với lĩnh vực sản xuất chiến lược

Ưu tiên, tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của từng địa phương cùng với việc xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo các tiêu chuẩn và yêu cầu của thị trường, cung cấp đủ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; xây dựng cơ sở hạ tầng, tổ chức dịch vụ hỗ trợ đồng bộ, hệ thống hậu cần thông suốt; đổi mới mạnh mẽ hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị; hoàn thiện sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bao bì, nhãn mác gắn với truy xuất nguồn gốc, thương hiệu địa phương và nhãn hiệu hàng hóa; tăng cường áp dụng công nghệ số trong quản lý và thương mại sản phẩm để từng bước phát triển thương hiệu sản phẩm OCOP trên thị trường trong nước và hướng đến thị trường xuất khẩu. Theo đó:

- Lĩnh vực trồng trọt: tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng sử dụng đất nông nghiệp hợp lý, linh hoạt hơn nhằm phát huy lợi thế là ngành sản xuất quan trọng góp phần cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Phát triển cây trồng có lợi thế (lúa chất lượng cao, xoài, hoa kiểng, nhãn, sen, quýt,...), nghiên cứu, chuyển giao quy trình canh tác các cây trồng có triển vọng như cây dược liệu, nấm ăn,... Tận dụng điều kiện để phát triển hợp lý các cây trồng ít lợi thế hơn nhằm phục vụ chế biến, tiêu dùng trong nước và xuất khẩu (rau màu, ớt, khoai lang, kiệu, khoai môn,...).

- Lĩnh vực chăn nuôi: phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, trình độ chăn nuôi từng bước được hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu thị trường trong và ngoài tỉnh; tập trung chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng chuyển dần từ chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ sang phát triển chăn nuôi tập trung, quy mô lớn. Liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng. Quản lý và sử dụng hiệu quả chất thải chăn nuôi, thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi.

- Lĩnh vực thủy sản: phát triển thủy sản thành ngành kinh tế quan trọng của Tỉnh, sản xuất hàng hóa lớn gắn với công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phát triển bền vững và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; có cơ cấu và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, có khả năng cạnh tranh cao và hội nhập quốc tế; phát triển nuôi tập trung công nghiệp, công nghệ hiện đại với các cơ sở sản xuất quy mô lớn và áp dụng công nghệ cải tiến, nuôi hữu cơ. Đối với hộ quy mô nhỏ thì ứng dụng công nghệ hướng đến tái tạo

nước thải nuôi trồng, chế biến thủy sản, giảm sức ép lên môi trường. Hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi phục vụ thủy sản tại các vùng nuôi chuyên canh. Tổ chức liên kết hiệu quả giữa doanh nghiệp sản xuất lớn và hộ nông dân sản xuất nhỏ thông qua phát triển kinh tế hợp tác. Chủ động trong việc cung ứng các đầu vào thiết yếu (giống, thức ăn, thuốc) và chế biến thủy sản.

- Lĩnh vực lâm nghiệp: quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, sử dụng hợp lý, phát triển bền vững tài nguyên rừng; giữ ổn định tỷ lệ che phủ rừng. Chú trọng công tác phát triển rừng, đặc biệt đối với rừng sản xuất. Chọn loài cây trồng phù hợp, cây giống đảm bảo chất lượng. Áp dụng các biện pháp chăm sóc và nuôi dưỡng rừng trồng tạo điều kiện để cây rừng sinh trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng. Phát huy tối đa các dịch vụ lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng để tạo nguồn thu, tái đầu tư cho phát triển lâm nghiệp.

- Lĩnh vực thủy lợi và phòng chống thiên tai: chủ động kiểm soát lũ, ứng phó với lũ cực đoan, phòng chống sạt lở bờ sông để bảo vệ khu dân cư, công trình hạ tầng, diện tích trồng lúa, nuôi trồng thủy sản. Tập trung gia cố hệ thống bờ bao, nạo vét kênh mương, tăng khả năng chủ động lấy nước, trữ nước, tiêu thoát và điều tiết lũ, đồng thời hỗ trợ sản xuất, phát triển các sinh kế khác ngoài 2 vụ lúa. Bảo vệ không gian thoát lũ, kết hợp nghiên cứu giải pháp trữ nước lũ vùng ngập sâu để phục vụ cấp nước mùa khô và các mục đích khác.

- Lĩnh vực phát triển nông thôn: phát triển các mô hình nông thôn mới gắn với ổn định đời sống dân cư, di dân ra khỏi các vùng sạt lở, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng. Giảm lao động trong nông nghiệp, đồng thời chuyên nghiệp hóa, trẻ hóa lực lượng lao động nông nghiệp thích ứng với sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Tạo việc làm phi nông nghiệp tại chỗ theo Chương trình OCOP và phát triển công nghiệp, dịch vụ phục vụ nông nghiệp; tạo việc làm phi nông nghiệp tại chỗ và triển khai hiệu quả “Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh về lãnh đạo đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng”; tổ chức lại sản xuất gắn với phát triển các mô hình Hội quán, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để xây dựng các chuỗi liên kết trong sản xuất trên tất cả các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản... Tăng cường hợp tác liên kết sản xuất - tiêu thụ liên tỉnh, liên vùng nhằm tạo đầu ra cho sản phẩm và tìm kiếm cơ hội xuất khẩu sản phẩm có ưu thế và tiềm năng.

1.2. Đối với phát triển ngành hàng

1.2.1. Ngành hàng chủ lực

Tập trung xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn thông qua hỗ trợ đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đảm bảo an toàn dịch bệnh, thống nhất áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật sản xuất bền vững (VietGAP, GlobalGAP,...) hoặc theo yêu cầu cụ thể từng thị trường; đảm bảo số hóa vùng trồng, vùng nuôi, cơ sở doanh nghiệp kinh doanh, chế biến; phát triển Hợp tác xã, Hội quán tại các vùng sản xuất để thống nhất quản lý và phát triển, đảm bảo cân đối cung cầu; xây dựng và nhân rộng diện tích sản xuất theo mô hình liên kết chuỗi giá trị, xây dựng thương hiệu sản phẩm. Theo đó:

a) Lúa gạo

- Phát triển ngành hàng gạo trở thành ngành hàng xuất khẩu chủ lực quốc gia theo hướng bền vững, đảm bảo hiệu quả, chất lượng, an toàn, có giá trị gia tăng cao và theo nhu cầu thị trường.

- Phân đầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng các loại cây ăn trái, cây hàng năm khác có giá trị kinh tế cao, để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập cho hộ sản xuất; giảm chi phí phân, thuốc, giống³, tăng diện tích giống xác nhận, giống chất lượng cao, lúa thơm đặc sản góp phần nâng cao chất lượng gạo gắn với phát triển mã số vùng trồng và truy xuất nguồn gốc.

- Khuyến cáo người nông dân áp dụng rộng rãi quy trình sản xuất lúa tiên tiến, bền vững (IPM, 3G3T, 1P5G, SRP, ...), quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP và tương đương, canh tác lúa thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, sản xuất lúa hữu cơ,...); sản xuất giảm phát thải khí nhà kính; cải thiện các giải pháp giúp tiếp cận thị trường tốt hơn thông qua mở rộng đầu tư xây dựng các mô hình như Ruộng nhà mình.

- Tăng nhanh tỷ lệ cơ giới hóa sản xuất: Chuyển dần từ gieo sạ bằng công cụ sang sử dụng máy cấy, mở rộng quy mô ứng dụng thiết bị bay không người lái tham gia thực hiện các công đoạn gieo sạ, bón phân và phun thuốc bảo vệ thực vật.

- Chủ động điều tiết, mở rộng thị trường, tăng cường liên kết kinh doanh giữa nông dân và doanh nghiệp, giảm tổn thất sau thu hoạch, tăng cường chế biến tinh, chế biến sâu các sản phẩm từ lúa gạo, chế biến phụ phẩm, cải thiện công tác vận tải và hậu cần hỗ trợ tiếp thị, phát triển thị trường xây dựng thương hiệu lúa gạo Đồng Tháp.

- Phát triển chế biến sâu các sản phẩm từ gạo và phụ phẩm. Đa dạng hóa sản phẩm chế biến, khai thác tiềm năng chế biến sâu lúa gạo để tăng thêm hiệu quả của chuỗi giá trị như: dầu gạo, bánh gạo, bột gạo, các sản phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng từ gạo, mỹ phẩm từ gạo,... nhất là từ các loại gạo hạt màu hay gạo thảo dược với hàm lượng vi chất cũng như các loại Omega cao, đổi mới công tác hỗ trợ tiếp thị, phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu cho hạt gạo. Rơm rạ có thể dùng để sản xuất phân bón hữu cơ, trồng nấm, sản xuất giấy hoặc làm thức ăn chăn nuôi. Trấu được tái chế thành củi trấu, sản xuất gas sinh học (khí hóa trấu), làm nguyên liệu xây dựng sạch, than hoạt tính,...

b) Xoài

- Phát triển ngành hàng xoài thành ngành hàng mũi nhọn theo hướng bền vững, có giá trị gia tăng cao thông qua tăng quy mô sản xuất, áp dụng tiêu chuẩn phát triển bền vững (GAP, hữu cơ, đủ điều kiện sản xuất an toàn thực phẩm,...) và gắn với xây dựng mã vùng trồng, hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm có thương hiệu xoài của tỉnh.

- Cải tiến quy trình kỹ thuật canh tác, nhất là kỹ thuật giống, sơ chế, đóng gói, bảo quản và chế biến xoài, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Tiếp tục lựa chọn 2 loại giống xoài chủ lực là Cát Chu và Cát Hòa Lộc, có

³ Phân đầu nâng cao lợi nhuận cho người trồng lúa từ 35-40%, giảm lượng phân bón hóa học, lượng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học trong sản xuất lúa từ 30% trở lên.

kế hoạch chi tiết rà soát vườn xoài già cỗi, vườn xoài kém chất lượng và vườn tạp, nghiên cứu ban hành chính sách hỗ trợ giống cho nhà vườn chuyển đổi sang sử dụng giống chất lượng cao và sạch bệnh.

- Chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, các đề tài đã được nghiên cứu vào sản xuất; ứng dụng công nghệ mới trong bảo quản và sơ chế xoài theo yêu cầu thị trường; nghiên cứu cải thiện độ phì đất liếp trồng xoài; nghiên cứu vật liệu sản xuất bao trái phù hợp với tiêu chuẩn và hạ giá thành.

- Đa dạng hóa sản phẩm chế biến: đóng hộp, đông lạnh, sấy, nước ép,... để tạo ra giá trị gia tăng cao, mang tính lâu dài, giảm rủi ro mùa vụ. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp sử dụng, tái chế phụ phẩm được tạo ra trong quá trình sản xuất, chế biến. Khuyến khích các hình thức xử lý phế phụ phẩm trong sản xuất, chế biến vỏ, hạt xoài để tạo ra các sản phẩm có giá trị kinh tế và bảo vệ môi trường (thức ăn chăn nuôi, phân bón,...); hình thành các mô hình doanh nghiệp kinh tế tuần hoàn trong ngành chế biến xoài.

- Phát triển nhãn hiệu chứng nhận và chỉ dẫn địa lý xoài Cao Lãnh tiếp tục ưu tiên các thị trường đã nhập khẩu xoài Việt Nam (như Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore và Hồng Kông), nghiên cứu thị trường chính ngạch của Trung quốc và phân khúc thị trường xoài tại các nước EU và Hoa Kỳ, bước đầu tiếp cận với cộng đồng người Việt tại Hà Lan, Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

- Phát triển công nghiệp phụ trợ theo hướng đẩy mạnh nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản xuất trong nước các loại máy, trang thiết bị phù hợp với quy mô doanh nghiệp, các loại bao bì đóng gói thân thiện môi trường và các loại phụ gia, chất bảo quản rau quả đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Phát triển hệ thống hậu cần (logistic) phục vụ thương mại cho xoài và các loại nông sản khác gắn với chợ đầu mối trái cây tỉnh Đồng Tháp, hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư hệ thống vận chuyển, kho chứa lạnh và hệ thống xử lý, sơ chế trên cơ sở đề xuất yêu cầu và phương án kinh doanh của doanh nghiệp, HTX gắn với hệ thống siêu thị, chợ đầu mối, trung tâm phân phối và tiêu thụ nông sản tỉnh đặt tại các thành phố lớn cả nước.

c) Hoa kiểng

- Phát triển ngành hoa kiểng trở thành ngành hàng chiến lược cấp tỉnh của Đồng Tháp theo hướng bền vững, có giá trị gia tăng cao, tăng cường liên kết giữa các hình thức kinh tế hợp tác nông hộ với doanh nghiệp.

- Nghiên cứu, chọn tạo các giống hoa kiểng mới, có chất lượng tốt, đặc trưng và phù hợp với điều kiện của tỉnh, nhu cầu người tiêu dùng. Sơ tập, bảo tồn, phục tráng các giống hoa kiểng địa phương. Thực hiện tuyển chọn và bảo tồn giống bản địa 03 chủng loại hoa hồng (hồng nhung Sa Đéc, hồng tường vi, hồng nữ hoàng)⁴; cải thiện giống hoa hồng lửa, cúc tiger. Phối hợp các viện, trường, câu lạc bộ, nghệ nhân, nông dân sản xuất giỏi, doanh nghiệp nghiên cứu, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất hoa, cây kiểng như: cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất và thu hoạch; kỹ thuật sản xuất hoa, kiểng thích ứng

⁴ Quyết định số 908/QĐ-UBND-HC ngày 09/7/2021 về Phê duyệt đề án khung bảo tồn gen trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025.

với biến đổi khí hậu. Hoàn thiện 3 - 5 quy trình nhân giống in vitro các giống hoa kiểng mới (kiểng nội thất).

- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm khác như sấy hoa, sản xuất nước hoa từ các loại hoa. Đầu tư xây dựng những mô hình ứng dụng công nghệ cao về hoa kiểng, nhất là các mô hình nhà màng, nhà lưới, sử dụng hệ thống tưới phun, tưới nhỏ giọt phù hợp với điều kiện đầu tư của nhà vườn.

- Xây dựng những mô hình sản xuất hoa kiểng ổn định, bền vững, kết hợp với tham quan du lịch trải nghiệm. Nghiên cứu, ứng dụng và triển khai các mô hình sản xuất hoa, cây kiểng có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Rà soát và mở rộng quy hoạch vùng sản xuất hoa kiểng tập trung gắn với du lịch cộng đồng, trải nghiệm và du lịch nông nghiệp.

- Phát triển các hệ thống hạ tầng giao thông, thủy lợi và dịch vụ hậu cần phục vụ sản xuất hoa kiểng gắn với du lịch.

- Đầu tư nâng cấp để nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Ứng dụng Nông nghiệp công nghệ cao Đồng Tháp trở thành đầu tàu của Tỉnh trong việc nghiên cứu, hợp tác nghiên cứu và chuyển giao khoa học, công nghệ trong nông nghiệp. Đồng thời, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phát triển ngành hoa kiểng trở thành ngành hàng chiến lược của Tỉnh.

d) Sen

- Phát triển ngành hàng sen hiệu quả, chất lượng, an toàn, có giá trị gia tăng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường bảo đảm vệ sinh thực phẩm, bền vững, mở rộng phát triển vùng sản xuất nguyên liệu sen tập trung.

- Nghiên cứu ứng dụng giống sen phù hợp với điều kiện tự nhiên, mở rộng sản xuất đối với các giống sen chuyên biệt, phục vụ cho các nhu cầu khác nhau như hoa trang trí, lấy hạt, lấy ngó, sản phẩm cao cấp, chiết suất từ sen. Tập trung nghiên cứu, đẩy nhanh dự án thí điểm 100 ha vùng trồng tại Tháp Mười để đưa ra được giống sen phù hợp với điều kiện tự nhiên, mở rộng sản xuất.

- Nâng sao xếp hạng OCOP đối với các sản phẩm từ sen đã tham gia đánh giá xếp hạng cấp tỉnh. Nâng chất các sản phẩm từ sen hiện có để tham gia chương trình OCOP; xây dựng các sản phẩm từ sen phục vụ phát triển du lịch. Đầu tư xây dựng các ô bao ngăn lũ kết hợp nâng cấp các tuyến đường giao thông, các bãi đậu đỗ xe, tạo điều kiện thuận lợi cho khách tham quan đến các vùng trồng sen kết hợp du lịch sinh thái, phát triển mô hình “Homestay”,...

- Ứng dụng công nghệ số để số hoá, tự động hóa trong quy trình sản xuất, quản lý dịch bệnh, nâng cao hiệu quả sản xuất; hình thành mạng lưới quan sát, quan trắc, truy xuất nguồn gốc và chuỗi cung ứng sản phẩm đảm bảo minh bạch, chính xác; xây dựng và hoàn thiện ít nhất 03 mô hình canh tác sen an toàn, chuyển đổi sang hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ và du lịch trải nghiệm. Các mô hình được cấp mã số vùng trồng gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Thu hút đầu tư các dự án chế biến các sản phẩm từ sen. Chú trọng đến việc gia công, chế biến sạch gắn với xây dựng thương hiệu sen để phân phối vào các kênh hệ thống bán lẻ trong và ngoài nước. Xây dựng một số sản phẩm từ sen có đủ chất lượng và kết hợp quảng bá hình ảnh đất Sen Hồng đến với bạn bè

trong nước và thế giới. Thực hiện đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý Đồng Tháp cho sản phẩm sen.

e) Cá tra

- Phát triển ngành hàng cá tra bền vững, hiện đại, phát triển vùng nuôi cá tra sạch, bền vững gắn với quy trình, quy chuẩn chất lượng và truy xuất nguồn gốc. Phân vùng nuôi cá tra thương phẩm theo 2 vùng. Vùng nuôi chính tiếp giáp với Sông Tiền, sông Hậu, các kênh rạch lớn tập trung ở huyện, thành phố có tiềm năng như các huyện: Thanh Bình, Cao Lãnh, Châu Thành, Tam Nông, Tân Hồng và thành phố Hồng Ngự; vùng nuôi phụ là các huyện, thành phố còn lại (trừ huyện Tháp Mười). Phân đầu 100% cơ sở nuôi cá tra trong quy hoạch được cấp mã số nhận diện theo quy định (giấy xác nhận đăng ký nuôi đối tượng thủy sản nuôi chủ lực); trên 50% diện tích nuôi cá tra thương phẩm áp dụng và được chứng nhận tiêu chuẩn trong nuôi trồng thủy sản (VietGAP, ASC, BAP, GlobalGAP,...) và 90% diện tích hộ cá thể nuôi cá tra tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ.

- Hỗ trợ chọn tạo giống cá tra nhằm nâng cao chất lượng con giống, khắc phục tình trạng giống cá tra kém chất lượng; tăng cường quản lý giám sát quy trình kỹ thuật sản xuất giống, hỗ trợ cho các trại sản xuất giống cá tra bố mẹ đã qua chọn lọc về di truyền tăng trưởng nhanh, thích ứng tốt với dịch bệnh và môi trường. Phân đầu trên 75% con giống phục vụ nuôi thương phẩm là con giống chất lượng cao; đảm bảo 60% các cơ sở sinh sản cá tra bột phải sử dụng đàn cá cải thiện di truyền.

- Khuyến khích doanh nghiệp chế biến đổi mới dây chuyền chế biến cá tra theo hướng tăng các sản phẩm có giá trị gia tăng cao từ các phần còn lại của cá tra sau phi lê như bột xương làm thực phẩm, collagen dược phẩm, dịch thủy phân protein cá tra, phân bón sinh học từ phụ phẩm,... nâng cao giá trị ngành hàng cá tra.

- Nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước, cung cấp thông tin giúp doanh nghiệp và người sản xuất có thông tin về hàng rào kỹ thuật, kênh phân phối, nhu cầu của người tiêu dùng. Thực hiện chương trình hợp tác, đưa sản phẩm thủy sản Đồng Tháp vào thị trường Hà Nội. Trung tâm giới thiệu đặc sản và du lịch Đồng Tháp tại Hà Nội; phối hợp với Vụ Thị trường trong nước của Bộ Công Thương, Sở Công Thương Hà Nội để xây dựng hệ thống phân phối các sản phẩm cá tra tỉnh Đồng Tháp.

- Phân đầu đạt mục tiêu chung của ngành cá tra là chiếm 10 - 15% thị phần tiêu thụ nội địa trên tổng sản lượng.

- Hoàn thành cơ sở dữ liệu về lĩnh vực thủy sản của tỉnh trong đó có các dữ liệu về cá tra nhằm minh bạch hóa thông tin sản xuất và truy xuất nguồn gốc (mã số nhận diện vùng nuôi, quản lý môi trường, dịch bệnh, điều kiện nuôi, điều kiện chế biến đảm bảo an toàn thực phẩm, chất lượng hàng hóa...) góp phần hình thành hệ sinh thái số. Khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân sử dụng hệ thống QR code để truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

1.2.2. Ngành hàng tiềm năng

Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển cân đối nhu cầu và đáp ứng yêu cầu thị trường; sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt và tương đương,

tăng cường chế biến để đa dạng hóa sản phẩm, phát triển các sản phẩm có chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc rõ ràng.

1.2.3. Đối với ngành hàng đặc sản địa phương

Xây dựng kế hoạch phát triển theo hướng sinh thái (an toàn, hữu cơ) gắn với phát huy kết hợp khai thác du lịch trải nghiệm và phát triển sản phẩm OCOP góp phần tạo ra giá trị mới trong quá trình sản xuất.

2. Tổ chức sản xuất nâng cao hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững

- Nghiên cứu, chọn tạo, chuyển giao và ứng dụng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng và khả năng thích nghi điều kiện tự nhiên của Tỉnh; bảo tồn và phát triển giống bản địa. Xây dựng hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh giống đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng để phục vụ sản xuất. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất giống theo hướng hiện đại; thực hiện xã hội hoá trong cung ứng giống chất lượng cao; tăng cường công tác quản lý giống nhằm tăng nhanh tỷ lệ sử dụng giống đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật cho sản xuất.

- Quản lý, sử dụng và kinh doanh vật tư nông nghiệp hướng tới nền sản xuất nông nghiệp chuyên nghiệp, có trách nhiệm; tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học... Xây dựng các chương trình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) và sử dụng sinh vật có ích trên cây trồng chủ lực nhằm bảo vệ sản xuất, kiểm soát mức độ suy thoái đất, bảo vệ “sức khỏe” đất, sức khỏe con người, động vật và môi trường sinh thái. Tăng cường sử dụng phụ phẩm chế biến để sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản, phân bón hữu cơ... để giảm phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu.

- Cơ giới hóa, tự động hóa đồng bộ từ sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến theo chuỗi giá trị, trước hết đối với các sản phẩm chủ lực. Khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư phát triển công nghiệp chế tạo máy nông nghiệp và công nghệ chế biến, bảo quản nông sản; đặc biệt ưu tiên đối với các công nghệ tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường và phù hợp đặc điểm từng ngành hàng. Hỗ trợ nông dân đầu tư, áp dụng các thiết bị cơ giới tiên tiến, nhà kính, nhà lưới, chuồng trại chăn nuôi hiện đại, gắn với các quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ cao. Phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh dịch vụ cơ giới nông nghiệp.

- Xây dựng các vùng sản xuất chuyên canh đảm bảo tiêu chuẩn bền vững, đáp ứng theo từng nhóm thị trường. Hình thành một số khu, cụm công nghiệp và dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp (kho tàng, bến bãi, nhà máy chế biến, trạm trại giống...) gắn vùng sản xuất với chế biến, thương mại. Xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo, an toàn sản xuất.

- Kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp sản xuất vật tư, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất, chế biến, tiêu thụ, bảo đảm cung ứng kịp thời, chất lượng và hạ giá thành sản xuất nông nghiệp. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến, tăng tỷ trọng chế biến sâu để giảm chi phí và nâng cao giá trị nông sản. Đầu tư nâng cao năng lực chế biến, bảo quản và các dịch vụ logistics cho các vùng chuyên canh chính. Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, cung cấp đủ nguyên liệu bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng cho cơ sở chế biến. Thu hút doanh nghiệp “đầu tàu” có đủ năng lực về vốn, khoa học công nghệ và thị

trường dẫn dắt chuỗi giá trị hiệu quả để phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến và tiêu thụ tại vùng sản xuất lớn, thuận lợi giao thông, lao động, logistics, tạo điều kiện hình thành động lực tăng trưởng.

- Phát triển hệ sinh thái nền tảng nông nghiệp kết hợp ứng dụng di động giúp quản lý nông nghiệp số và phát triển kinh tế nông nghiệp số dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu lớn cho ngành nông nghiệp, quản lý tập trung, mang tính đồng bộ, sẵn sàng kết nối dữ liệu với các hệ thống chuyển đổi số trong tương lai.

3. Thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị, các mô hình nông nghiệp tiên tiến

- Xây dựng hoàn chỉnh chuỗi giá trị cho các ngành hàng chủ lực, phát triển hợp tác xã gắn với vùng chuyên canh hàng hóa quy mô lớn, giảm dần các khâu trung gian, tăng cường liên kết với doanh nghiệp chế biến hoặc thương mại lớn để hình thành các chuỗi giá trị. Gắn kết tác nhân trong chuỗi theo nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm, cùng chia sẻ lợi ích theo mức độ đóng góp giá trị.

- Chuyển giao và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới, mô hình có hiệu quả làm hình mẫu cho các vùng chuyên canh, đáp ứng các yêu cầu thị trường như: nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, tiết kiệm tài nguyên và giảm thải; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp (chế biến nông sản, tái chế phế, phụ phẩm, sản xuất năng lượng tái tạo,...), nông nghiệp kết hợp dịch vụ (du lịch trải nghiệm, dịch vụ bảo vệ môi trường, dịch vụ đào tạo và cung cấp chuyển giao công nghệ, dịch vụ kinh doanh nông sản...). Qua đó, đánh giá hiệu quả để rút kinh nghiệm, nhân rộng quy mô, giới thiệu công nghệ và cách quản lý mới.

- Hỗ trợ hợp tác xã, nông dân tham gia các hoạt động ứng dụng công nghệ số vào quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ nông nghiệp thông qua việc “số hóa dữ liệu liên quan đến sản xuất” tiến đến “số hóa, tự động hoá quy trình sản xuất” và “chuyển đổi số toàn diện trong sản xuất” nhằm thu thập được “dữ liệu lớn - thông minh” giúp giảm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu hoá lợi nhuận, thực hiện truy xuất nguồn gốc và tự tin tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử kết nối cung cầu sản phẩm nông nghiệp hướng đến mục tiêu phát triển mô hình làng thông minh.

4. Phát triển kinh tế nông thôn tạo việc làm và tăng thu nhập cho dân cư nông thôn

Cùng với phát triển nông nghiệp, chú trọng phát triển kinh tế nông thôn, chuyển đổi cơ cấu lao động theo hướng phi nông nghiệp để giải quyết việc làm, đảm bảo thu nhập:

- Đầu tư phát triển các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ ở khu vực nông thôn, có các chính sách thu hút đầu tư để khuyến khích các doanh nghiệp công nghiệp, dịch vụ đầu tư vào nông thôn, nhất là các ngành sử dụng nhiều lao động, để từng bước giảm tình trạng di cư lao động từ nông thôn ra thành thị với phương châm “ly nông bất ly hương”.

- Hỗ trợ các tổ chức kinh tế chính thức (hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ nghề có đăng ký, tổ chức của hội nông dân ...) để lao động có hợp đồng làm việc chính thức. Phát triển các tổ chức của nông dân, người lao động (đổi mới hoạt

động hội nông dân, tổ chức các hiệp hội, công đoàn lao động theo các ngành nghề, lĩnh vực hoạt động) để bảo vệ quyền lợi cơ bản và hỗ trợ hiệu quả người lao động trong công tác đào tạo kỹ năng gắn với nhu cầu của thị trường, giúp tiếp cận thị trường lao động chính thức.

- Phát triển mạnh kinh tế dịch vụ ở khu vực nông thôn, đa dạng hóa các loại hình, quy mô... để tạo việc làm, thu hút lực lượng lao động không tham gia sản xuất nông nghiệp. Xây dựng kế hoạch cụ thể để hình thành một nền kinh tế dịch vụ ở khu vực nông thôn (xác định nhu cầu các ngành dịch vụ; tổ chức hệ thống các doanh nghiệp, hợp tác xã chuyên trách; thu hút đầu tư, phát triển thị trường; hình thành các dịch vụ công đào tạo, thông tin,...).

- Nâng cao hiệu quả, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp, từng bước hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, tạo điều kiện cho nông dân phát triển kinh tế, trang trại và kinh tế hợp tác. Ban hành chính sách hỗ trợ để nông dân tại các vùng chuyên canh tham gia các chương trình đào tạo có chứng chỉ để sản xuất ra sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng và các yêu cầu mới của thị trường (nông nghiệp cảnh quan, nông nghiệp trách nhiệm, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao,...), đồng thời có chính sách hỗ trợ như tín dụng ưu đãi, hỗ trợ bảo hiểm, hỗ trợ liên kết, tiêu thụ nông sản... Thông qua hợp tác xã và hội nông dân xây dựng chương trình, tổ chức các lớp đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn về an toàn lao động, bảo vệ môi trường, sử dụng máy móc cơ giới, sử dụng phân bón, thuốc hóa học đúng cách, sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý,...

5. Xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa, giữ gìn văn hóa truyền thống

- Nâng cấp và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông thôn đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị. Hoàn thiện, bảo trì hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, hạ tầng công nghệ thông tin, thương mại, y tế giáo dục, văn hóa, thể thao; khuyến khích đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch tập trung theo hình thức xã hội hóa... Khuyến khích tối đa đầu tư tư nhân, đầu tư theo hình thức hợp tác công tư gắn với nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

- Đổi mới nội dung hoạt động, nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới đảm bảo thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững, tránh dàn trải, lãng phí. Tập trung nguồn lực đầu tư, hỗ trợ đầu tư các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới; hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục duy trì, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí, bảo đảm bền vững. Xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu để tạo lập môi trường, cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường; quốc phòng và an ninh trật tự được giữ vững; đưa nông thôn trở thành “nơi đáng sống”. Xây dựng làng thông minh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số nhằm thay đổi căn bản hoạt động quản lý, điều hành, giám sát của cơ quan chính quyền; hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề, góp phần thu hẹp khoảng cách thụ hưởng dịch vụ xã hội cơ bản với thành thị.

- Định hướng đa dạng hóa chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với lợi thế, hoàn cảnh và cơ hội phát triển địa phương theo 2 hướng:

+ Các xã khu vực ven đô có kinh tế phi nông nghiệp chiếm đa số, dịch vụ, thương mại và cơ sở hạ tầng phát triển mạnh thì hướng tới đô thị hóa. Phát triển nông nghiệp đô thị, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển dịch vụ xã hội có chất lượng tiệm cận với thành thị, hình thành các “thành phố xanh”, “khu đô thị sinh thái”. Phát triển các đô thị vệ tinh giảm tải cho các đô thị chính và từng bước đưa đô thị phát triển về địa bàn nông thôn.

+ Các xã thuộc các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn thì xây dựng các vùng chuyên canh đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, có cơ sở hạ tầng và các cụm ngành chế biến - dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh. Hỗ trợ kết nối hạ tầng với các thị trường lớn, khu trung chuyển, dịch vụ hậu cần lớn. Phát triển các khu dân cư nông thôn phân tán theo địa bàn sản xuất, liên kết hài hòa với các đô thị để đảm bảo cung cấp dịch vụ kinh tế - xã hội.

6. Phát triển tổng quan, đảm bảo công bằng phúc lợi xã hội ở nông thôn

- Xây dựng các chính sách phúc lợi xã hội công bằng (nhà ở và nơi định cư, bảo hiểm chữa bệnh, chế độ về hưu,...) cho người dân nông thôn; hướng tới bình đẳng giới. Chủ động phòng, chống rủi ro, đảm bảo địa bàn cư trú và đời sống của cư dân nông thôn an ninh và an toàn trước thiên tai, dịch họa, dịch bệnh và các biến động bất lợi; xem người dân nông thôn là chủ thể, trọng tâm phát triển, đảm bảo tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển (vốn, đất, nước, năng lượng, khoa học công nghệ,...), các dịch vụ cơ bản, phúc lợi xã hội (dinh dưỡng, y tế, giáo dục, thể thao, văn hóa, thông tin, giao thông...), các cơ hội (học, làm việc, thị trường,...).

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo bền vững, đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức giảm nghèo, tạo điều kiện cung cấp tài nguyên, tạo nguồn sinh kế để người thuộc diện hộ nghèo tự tin, chủ động vươn lên cải thiện đời sống.

7. Xây dựng cộng đồng vững mạnh làm nòng cốt phát triển nông thôn, sản xuất nông nghiệp

- Cùng cố truyền thống văn hóa tốt đẹp và quan hệ gắn kết cộng đồng đa dạng tại nông thôn (dòng họ, hội quán...) để chủ động phát huy nội lực và tinh thần tự chủ, tự hào, đoàn kết, sáng tạo trong các hoạt động đời sống, phát triển kinh tế, phát triển du lịch nông thôn, tăng hiệu quả quản lý xã hội và tài nguyên thiên nhiên. Hỗ trợ và phát huy vai trò của cộng đồng và người dân trong việc bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống tốt đẹp của địa phương, đấu tranh đẩy lùi hủ tục, văn hóa ngoại lai, không phù hợp, thiết thực phát huy các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”, “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò của các tổ chức cộng đồng, quy ước, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” nhằm tạo động lực để khơi dậy sức mạnh và nguồn lực nhân dân trong quá trình phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới, tài nguyên thiên nhiên, giữ gìn an ninh trật tự tại cơ sở.

8. Bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thích nghi biến đổi khí hậu

- Phát triển cảnh quan nông thôn gắn với làng sinh thái, thông minh, phát huy lợi thế địa phương, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, thân thiện và hài hòa với thiên nhiên. Quy hoạch không gian hợp lý để các ngành sản xuất có tác động nhiều đến môi trường như chăn nuôi, nuôi trồng và khai thác thủy sản, chế biến nông sản, xử lý chất thải... cách xa các khu đô thị, vùng dân cư đông dân, khu du lịch nghỉ dưỡng....

- Giảm dần sức ép của phát triển kinh tế - xã hội với môi trường bằng các giải pháp như: chấm dứt lạm dụng hóa chất, nguyên vật liệu tổng hợp, khó phân hủy; tạo điều kiện tái tạo các nguồn tài nguyên cơ bản như đất, nước, năng lượng (sản xuất năng lượng tái tạo, tích lũy nước mưa, xử lý rác hữu cơ ở quy mô hộ, quy mô cơ sở sản xuất,...); đẩy mạnh chế biến sâu, tận dụng phụ phẩm nông sản để chủ động xử lý ô nhiễm ngay tại nguồn.

- Chủ động thích ứng biến đổi khí hậu bằng áp dụng các biện pháp canh tác, áp dụng rộng rãi các biện pháp kỹ thuật thân thiện với môi trường. Tăng cường sử dụng nguyên liệu vi sinh hoặc hữu cơ, áp dụng kỹ thuật thông minh, kinh tế tuần hoàn để tiết kiệm đầu vào, phát triển mạnh tiềm năng sản xuất năng lượng tái tạo kết hợp nông nghiệp để giảm bớt lượng nguyên liệu hóa thạch, giảm phát thải cacbon. Tăng cường trồng rừng, phát triển các cây lâu năm có sinh khối lớn dọc các tuyến đê bao.

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH

Nhằm chủ động thực hiện Kế hoạch Thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân Tỉnh đề ra 10 nhóm giải pháp chính như: (1) Tuyên truyền, giáo dục đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức và hành động; (2) Đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh, hoàn thiện quan hệ sản xuất; (3) Nâng cao chất lượng đào tạo nghề; trình độ, hiệu quả công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; (4) Phát triển thị trường trong và ngoài nước đảm bảo đầu ra ổn định cho nông sản; (5) Xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng; (6) Đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; (7) Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn; (8) Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro; (9) Xây dựng, hoàn thiện và triển khai một số cơ chế, chính sách đột phá; (10) Giám sát và đánh giá.

(Chi tiết nội dung giải pháp và phân công thực hiện đính kèm Phụ lục I và II)

V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch.

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2030.

3. Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác.

4. Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức triển khai Kế hoạch và hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện; thường xuyên đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh kết quả thực hiện hàng năm (lồng ghép báo cáo năm của đơn vị) và theo yêu cầu; tham mưu tổ chức sơ kết thực hiện Kế hoạch hành động vào năm 2025 và đánh giá tổng thể kết quả thực hiện vào năm 2030.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tổng hợp, cân đối, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2025, 2026 - 2030 và trong kế hoạch 5 năm cho các đơn vị để thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và các địa phương chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới và triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; điều chỉnh cơ cấu đầu tư công trong nông nghiệp.

3. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách Tỉnh, trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan, ưu tiên tổng hợp bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của ngân sách Tỉnh, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định cân đối, bố trí kinh phí trong dự toán chi của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn để thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Tỉnh

Tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng đơn giản hóa thủ tục, cân đối nguồn vốn nhằm đáp ứng cho nhu cầu vốn và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tiếp cận nguồn vốn tín dụng để đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; đặc biệt là các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, cơ giới hóa, phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn.

5. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và địa phương triển khai thực hiện chính sách thương mại hàng nông sản; giám sát chặt chẽ, xử lý nghiêm hành vi vi phạm trong lĩnh vực xuất nhập khẩu. Tổ chức triển khai các cơ chế, chính sách và hoạt động thúc đẩy tiêu thụ nông sản trong nước; hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp tham gia chuỗi cung ứng thương mại điện tử;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan, các địa phương đề xuất, triển khai

chính sách khuyến khích phát triển sản xuất công nghiệp, cụm công nghiệp phục vụ công nghiệp chế biến hàng nông sản, thủy sản.

- Chủ trì, phối hợp với các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải và các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh triển khai thực hiện Đề án phát triển logistics gắn với vùng sản xuất, kinh doanh nông nghiệp (khi đề án được ban hành).

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, đề xuất cập nhật quy định hàng rào kỹ thuật và thương mại đối với nông sản xuất nhập khẩu; hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản ở nước ngoài.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh triển khai hiệu quả các Chương trình: Sản phẩm quốc gia, phát triển khoa học công nghệ cao, đổi mới công nghệ quốc gia và các chương trình khoa học công nghệ khác hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn (khi được trung ương ban hành);

- Rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách phát triển nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp, đặc biệt là công nghệ cao, công nghệ số; triển khai thực hiện cơ chế thúc đẩy xã hội hóa nguồn lực phát triển khoa học, công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn khi được trung ương ban hành; hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hỗ trợ xây dựng và áp dụng công cụ nâng cao năng suất, chất lượng, các hệ thống quản lý tiên tiến; hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý, bảo vệ và khai thác, phát triển tài sản trí tuệ, sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan theo hướng khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong nông nghiệp.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh kiến nghị xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nền nông nghiệp xanh, giảm phát thải khí nhà kính và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường khu vực nông nghiệp nông thôn, bảo tồn đa dạng sinh học.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh kiến nghị Chính phủ ban hành các cơ chế chính sách hỗ trợ chuyển đổi số trong nông nghiệp, xây dựng làng, xã thông minh. Phối hợp triển khai các nội dung về xây dựng hạ tầng thông tin truyền thông, hạ tầng số phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

9. Các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Y tế

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo: rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ

đào tạo nghề nông nghiệp, nông thôn gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; đào tạo nghề gắn với địa chỉ sử dụng lao động cụ thể (doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, hợp tác xã...).

Sở Y tế: tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh cho ý kiến hoàn chỉnh Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, chế biến, bảo quản nông sản đáp ứng nhu cầu của cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

10. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố triển khai thực hiện các chính sách đổi mới, hoàn thiện hệ thống bộ máy quản lý ngành nông nghiệp để cải cách thể chế, thủ tục quản lý, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa, phân cấp cho các tổ chức nông dân, kinh tế hợp tác và khối tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ công, đổi mới hoạt động đoàn thể xã hội theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh kiến nghị xây dựng chương trình, cơ chế chính sách phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; phối hợp triển khai các hoạt động thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) tại các thị trường khách du lịch trọng điểm.

12. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

Căn cứ các mục tiêu, định hướng và giải pháp của Kế hoạch, xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp thực tiễn tại địa phương quản lý.

Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách trung ương, Tỉnh đã ban hành, đồng thời nghiên cứu đề xuất ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của Tỉnh để đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả phát triển nông nghiệp, nông thôn. Bố trí ngân sách địa phương, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Xây dựng các chương trình, đề án, dự án trọng điểm phù hợp với đặc điểm và thế mạnh của địa phương; ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực và các sản phẩm đặc sản của địa phương, gắn với công nghiệp chế biến nông sản và thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Triển khai các giải pháp tăng cường liên kết trong sản xuất, hướng tới phát triển các cụm liên kết sản xuất - bảo quản, chế biến - tiêu thụ nông sản gắn với các vùng nguyên liệu tập trung được cơ giới hóa đồng bộ, kết nối với cơ sở chế biến nông sản và hệ thống logistic, kênh phân phối, tiêu thụ nông sản.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh, Hội Nông dân Việt Nam Tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, hiệp hội ngành hàng, hội nghề nghiệp trên địa bàn Tỉnh

- Chủ động, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành, địa phương triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ cho người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp để thực hiện các định hướng của Kế hoạch;

- Tăng cường công tác phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chiến lược phát triển Nông nghiệp và nông thôn bền vững. Phối hợp tham gia giám sát, phản biện xã hội các nội dung liên quan đến việc triển khai thực hiện và tham gia đề xuất cơ chế chính sách, biện pháp khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân là thành viên tham gia đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Truyền thông, phản biện xã hội và vận động thành viên, hội viên, Nhân dân tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn; tham gia đề xuất cơ chế chính sách và biện pháp khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân là thành viên tham gia đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn./.

PHỤ LỤC I
GIẢI PHÁP CHÍNH KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN
BỀN VỮNG, THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Kế hoạch hành động tại Quyết định số 1072/QĐ-UBND-HC ngày 04 tháng 10 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản
1	Tuyên truyền, giáo dục đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức và hành động Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn phát triển mới, về cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Xây dựng Chương trình tuyên truyền, thống nhất từ nhận thức đến hành động của từng nhóm đối tượng với những nội dung chính như:	Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố		Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
1.1	- Phát triển nền nông nghiệp bền vững: đảm bảo cơ hội phát triển cho các thế hệ tương lai, khả năng thích ứng và chống chịu biến động, cân đối, hài hòa các yếu tố môi trường, xã hội và kinh tế, tái tạo nguyên liệu, năng lượng,... trong sản xuất.	Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
1.2	- Phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp sinh thái: Áp dụng các quy trình sản xuất thân thiện môi trường, bảo vệ cảnh quan; sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật tư và tài nguyên đầu vào, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường, sức khỏe con người; tôn trọng và vận dụng các quy luật tự nhiên để phát triển nông nghiệp thuận thiên, đa dạng.	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
1.3	- Chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp: Từ phạm vi sản xuất nông nghiệp sang tích hợp đa ngành dịch vụ, công nghiệp; từ đơn giá trị nông sản sang tích hợp sản phẩm đa giá trị; từ tập trung hỗ trợ người sản xuất sang hỗ trợ tất cả các tác nhân trong chuỗi giá trị.	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
1.4	- Nông nghiệp công nghệ cao: Phát triển và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, giá trị, chất lượng, khả năng thích nghi, hiệu quả sản xuất, giảm tổn thất... Phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, ứng dụng công nghệ số,...	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
1.5	- Phát triển nông nghiệp có trách nhiệm: Đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng về vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường sinh thái và công bằng xã hội, thích ứng biến đổi khí hậu...; bảo vệ quyền lợi, chính đáng của người sản xuất và kinh doanh, đảm bảo công bằng cho người sản xuất nhỏ, các đối tượng yếu thế. Phát triển thị trường xuất khẩu đi đôi với thị	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản
	trường nội địa.			
1.6	- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, xây dựng mô hình trình diễn, hình thành lực lượng tư vấn, xây dựng giáo trình để từng bước chuyển đổi tư duy người sản xuất, các chủ thể liên quan đến ngành nông nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
1.7	- Đẩy mạnh tư duy phát triển tổng quan: Gắn kết giữa nông nghiệp với công nghiệp và dịch vụ, giữa các địa phương thông qua phát triển các “Cụm ngành”, giữa chuỗi giá trị trong nước và chuỗi giá trị toàn cầu; giữa kinh tế nông thôn và kinh tế đô thị, hộ nông dân với doanh nghiệp trong nước và nước ngoài...	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Công thương và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
2	Đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh, hoàn thiện quan hệ sản xuất			
2.1	- Triển khai thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ nông dân sản xuất hiệu quả tiếp cận thị trường, nguồn vốn, mua sắm máy móc, tích tụ đất đai, áp dụng công nghệ để phát triển theo hướng chuyên nghiệp hóa, tăng quy mô sản xuất và tham gia hợp tác xã, liên kết với doanh nghiệp trong các chuỗi giá trị. Hỗ trợ nông hộ chuyển sang kinh doanh ngành nghề, công nghiệp, dịch vụ phi nông nghiệp. Xây dựng các chương trình hỗ trợ nông dân kinh doanh khởi nghiệp, khởi nghiệp làm nghề nông...	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
2.2	- Phát triển các liên hiệp hợp tác xã ⁵ , hợp tác xã trở thành tác nhân kinh tế quan trọng trong sản xuất và tiêu thụ, kết nối các thành phần trong chuỗi giá trị, đặc biệt là doanh nghiệp. Xây dựng và triển khai các chính sách đột phá để phát triển “nông hộ nhờ quy mô lớn” như giao đất, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, đào tạo, cho vay vốn đầu tư...; thực hiện các hoạt động hỗ trợ hợp tác xã mua và phân phối chung vật tư đầu vào, liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ nông sản đầu ra và cung cấp các dịch vụ phục vụ sản xuất bao gồm cả tín	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị

⁵ liên hiệp các hợp tác xã được hình thành trên cơ sở các hợp tác xã có cùng nhóm sản phẩm hoặc cùng tham gia một chuỗi giá trị nhằm tăng quy mô, nâng cao hiệu quả.

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản
	dụng. Khuyến khích và hỗ trợ các hợp tác xã phát triển thành doanh nghiệp; hợp tác xã chủ động xây dựng chuỗi giá trị nông sản... Xây dựng các liên hiệp các hợp tác xã có cùng nhóm sản phẩm hoặc cùng tham gia một chuỗi giá trị nhằm tăng quy mô, nâng cao hiệu quả.	thôn, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư		
2.3	- Kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đóng vai trò hạt nhân (cung cấp đầu vào, chế biến, thương mại) liên kết với nông dân, dẫn dắt chuỗi giá trị và phát triển thị trường. Phát triển hệ sinh thái ngành hàng gắn kết giữa doanh nghiệp lớn với doanh nghiệp nhỏ. Xây dựng và phát triển vườn ươm doanh nghiệp khởi nghiệp.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương.	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
2.4	- Phát huy vai trò của các Hiệp hội trong công tác nghiên cứu và mở rộng thị trường, đồng thời hỗ trợ các cơ quan chức năng trong đàm phán và mở cửa thị trường cho nông sản xuất khẩu. Nghiên cứu xây dựng các Ban điều phối ngành hàng có sự tham gia của đại diện tác nhân như hộ sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp,...	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Liên hiệp Hội khoa học và Kỹ thuật Tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
3	Nâng cao chất lượng đào tạo nghề; trình độ, hiệu quả công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo			
3.1	- Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân, lao động trẻ nông thôn muốn khởi nghiệp các kỹ năng về nông nghiệp, kỹ năng mới đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và thực hiện chuyển đổi số, kinh tế số theo hướng “trí thức hóa nông dân”; phát huy mạnh mẽ tiềm năng sáng tạo của người dân nông thôn; chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, gắn với giải quyết việc làm, xu hướng và nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn của địa phương.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
3.2	Triển khai thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, trong đó ưu tiên tập trung triển khai các nhiệm vụ có liên quan đến phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu như: nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp; Chương trình phát triển ngành hàng chủ lực của Tỉnh; nghiên cứu phát triển hệ thống sản xuất sử dụng hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, thân thiện với môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và giảm phát	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản
	thải khí nhà kính; phát triển công nghệ chế biến sâu, công nghệ bảo quản, giảm tổn thất, lãng phí trong hệ thống lương thực, thực phẩm; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao và thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.	nông thôn		
3.3	- Hỗ trợ tư vấn pháp lý cho các cơ sở sản xuất kinh doanh trong việc đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp, theo hướng đẩy mạnh thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ đảm bảo phù hợp với thực tiễn sản xuất; hỗ trợ phát triển các tổ chức trung gian kết nối công nghệ (sàn giao dịch công nghệ, trung tâm giao dịch, trung tâm xúc tiến và hỗ trợ đổi sáng tạo, trung tâm định giá tài sản trí tuệ, cơ sở ươm tạo công nghệ,...) để cung cấp dịch vụ thông tin, tư vấn, môi giới công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp; triển khai thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư ứng dụng công nghệ, truy xuất nguồn gốc phục vụ sản xuất kinh doanh.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
3.4	Phát triển hình thức cơ chế đặt hàng và thực hiện tuyển chọn một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh nhằm khuyến khích rộng rãi nhiều thành phần tham gia nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ; tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách về sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ của Tỉnh” cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
3.5	- Đổi mới mạnh mẽ hình thức tổ chức và hoạt động khuyến nông, đảm bảo bộ máy tinh, gọn, hiệu quả, phù hợp với từng loại hình sản xuất và địa phương; tăng cường phối hợp giữa khuyến nông nhà nước với khuyến nông của doanh nghiệp; phát triển khuyến nông điện tử, khuyến nông cộng đồng; phân cấp hoạt động khuyến nông cho các tổ chức nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp. Phối hợp chặt chẽ công tác đào tạo, nghiên cứu và khuyến nông.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
3.6	- Triển khai, phổ biến hệ thống quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn quốc gia phục vụ quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành nhằm thúc đẩy mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu nông sản.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
4	Phát triển thị trường trong và ngoài nước đảm bảo đầu ra ổn định cho nông sản			
4.1	- Với thị trường nội địa: Kết nối người sản xuất với hệ thống chế biến, phân phối và bán lẻ hiện đại, truyền thống với các chuỗi cung ứng nông sản, liên kết để đưa nông sản vào các	Sở Nông nghiệp và Phát	Ủy ban nhân dân huyện,	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản
	hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trong nước. Nâng cấp mở rộng năng lực hoạt động chợ đầu mối gắn với chuỗi logistics ở các vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp. Hiện đại hóa hệ thống chợ phù hợp với tập quán và điều kiện cụ thể của địa phương, thực hiện tốt truy xuất nguồn gốc, chất lượng hàng hóa, bảo đảm an toàn thực phẩm. Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và hệ thống trang thiết bị, kinh phí hoạt động để các tổ chức nông dân và hợp tác xã chủ động xây dựng được hệ thống kinh doanh bán lẻ tại các thị trường nội địa chính trong nước. Phát huy hiệu quả cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, triển khai chính sách hỗ trợ các đơn vị sản xuất kinh doanh phát triển thương mại điện tử, xây dựng các kênh phân phối, liên kết trực tiếp giữa vùng sản xuất với thị trường tiêu thụ sản phẩm cuối cùng.	triển nông thôn, Sở Công thương	thành phố	hàng năm của đơn vị
4.2	- Với thị trường xuất nhập khẩu: Chủ động phát huy cơ hội các Hiệp định thương mại tự do đã được ký kết để giữ ổn định các thị trường truyền thống, mở rộng thị trường mới, tránh phụ thuộc vào một vài thị trường. Hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết và tháo gỡ những hàng rào kỹ thuật, các tranh chấp pháp lý quốc tế. Hỗ trợ để các hiệp hội ngành hàng, hiệp hội doanh nghiệp chủ động tham gia, đảm bảo hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại. Triển khai, cung cấp thông tin hiệu quả, kịp thời để doanh nghiệp và người sản xuất chủ động thích nghi với những thay đổi về chính sách, các cam kết thương mại quốc tế. Kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu nông sản, đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn sinh học, bảo vệ hợp lý sản xuất trong nước.	Sở Công Thương	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
4.3	- Xây dựng hệ thống thông tin thị trường nông sản đáp ứng yêu cầu của ngành nông nghiệp hàng hóa hiện đại, quy mô lớn và bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng. Nâng cao năng lực dự báo, đánh giá, cảnh báo thông tin về thị trường các nông sản chủ lực, kịp thời cung cấp thông tin để cơ quan quản lý, doanh nghiệp và người dân chủ động điều chỉnh sản xuất phù hợp với yêu cầu thị trường, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng thừa cung, ứ đọng hàng hóa, đứt gãy chuỗi cung ứng. Ứng dụng công nghệ số để giám sát nguồn cung chặt chẽ tại các vùng sản xuất nông nghiệp chính. Hỗ trợ năng lực tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và hộ nông dân (xây dựng chỉ dẫn địa lý, thiết lập mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, bảo hộ sở hữu trí tuệ, bảo hộ bản quyền thương hiệu,...).	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
5	Xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng			
5.1	- Phát triển thủy lợi đa mục tiêu, ưu tiên các công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản, cây trồng cạn, vùng sản xuất công nghệ cao, gắn với xây dựng đồng ruộng. Tiếp tục xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống phòng chống thiên tai, phòng cháy - chữa cháy	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản
	rừng biến đổi khí hậu (phòng chống lũ, hạn, sạt lở, nhiễm mặn,...); bảo đảm an ninh nguồn nước. Ứng dụng công nghệ quản lý và sử dụng nước hiệu quả để tưới tiết kiệm nước, quản lý khai thác nước ngầm, chuyển và trữ ở vùng thiếu nước sinh hoạt, tái sử dụng nước nuôi trồng thủy sản, chứa và cấp nước chữa cháy rừng.	thôn		
5.2	- Đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị đảm bảo năng lực cảnh báo, dự báo, khả năng chống chịu trước thiên tai. Nâng cấp trang thiết bị, công nghệ theo dõi, phân tích, dự báo, cảnh báo thiên tai. Xây dựng, củng cố hệ thống công trình phòng, chống sạt lở bờ sông tại các khu vực xung yếu, kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, ứng phó thiên tai để phục vụ sản xuất, dân sinh và các hoạt động kinh tế khác. Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu (điện, đường, viễn thông,...) cho vùng sản xuất tập trung.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
5.3	- Ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông nội đồng, giao thông kết nối các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn với các đường tỉnh lộ hay quốc lộ kết nối không gian phát triển giữa các vùng, khu vực, địa phương để thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị. Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ chuỗi lạnh, vận chuyển nông sản tươi sống, bảo quản, chế biến sau thu hoạch, nhất là các kho dự trữ, bảo quản, kho lạnh, kho chứa lương thực, thực phẩm.	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
5.4	- Kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông sản và dịch vụ phục vụ nông nghiệp gắn với các vùng chuyên canh, hình thành trung tâm thu gom nông sản ở vùng sản xuất, hình thành hệ thống chợ đầu mối đa chức năng, sàn giao dịch cho các nông sản chủ lực. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường (xử lý tái tạo nước thải, rác thải, tái sử dụng phế, phụ phẩm,...).	Sở Công Thương	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
5.5	- Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật số phục vụ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, tạo điều kiện hiện đại hóa nông thôn. Phát triển nền tảng công nghệ để phát triển hệ thống thông tin điện tử trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, nông nghiệp và thương mại điện tử.	Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
6	Đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước			
6.1	- Đổi mới, hoàn thiện hệ thống bộ máy quản lý nhà nước.	Sở Nội vụ	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản
6.2	- Tập trung nhân lực, nguồn lực vào những nhiệm vụ trọng yếu trong quản lý, kiến tạo ra giá trị mới cho ngành, tăng cường phân cấp cho địa phương. Tinh giảm thủ tục, minh bạch thông tin, quy trình hóa công việc gắn với trách nhiệm cụ thể từng cá nhân, tổ chức. Đổi mới tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức đảm bảo chất lượng năng lực chuyên nghiệp và đạo đức, trách nhiệm. Phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành nông nghiệp, hình thành cơ chế tư vấn, đối thoại chính sách thường xuyên, chính thức giữa đội ngũ chuyên gia, đại diện nông dân và doanh nghiệp với cơ quan quản lý ngành.	Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
6.3	- Thực hiện xã hội hóa, phân cấp cho các tổ chức nông dân, kinh tế hợp tác và khối tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ công (khuyến nông, nghiên cứu khoa học, thông tin thị trường,... gắn với kinh tế hợp tác, với hội đồng ngành hàng, hiệp hội doanh nghiệp,...). Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển hệ thống tư vấn, dịch vụ kỹ thuật phục vụ khách hàng tại các vùng sản xuất thuận tiện. Tập trung cán bộ và kinh phí nhà nước vào dịch vụ bảo vệ sản xuất (thú y, bảo vệ thực vật, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kiểm lâm, phòng chống thiên tai...) để phòng chống dịch bệnh, quản lý rủi ro. Phối hợp đồng bộ công tác kiểm dịch, dự báo, cảnh báo, kiểm dịch cửa khẩu, kiểm dịch nội địa, kiểm tra sản xuất, thông tin dịch bệnh...	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
6.4	- Đổi mới, nâng cao vai trò của Hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã để thực sự trở thành đại diện bảo vệ quyền lợi và phục vụ cho nông dân và xã viên hợp tác xã. Nâng cao vị thế, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, hiệp hội nghề nghiệp, đưa các tổ chức xã hội ở nông thôn vào tham gia quá trình phát triển kinh tế xã hội, môi trường, thể chế trong nông nghiệp, nông thôn. Xây dựng cộng đồng dân cư ở nông thôn hiện đại, dân chủ, công bằng, văn minh theo phương châm: "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng" để người dân thực sự đóng vai trò chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển.	Hội Nông dân Tỉnh, Liên minh Hợp tác xã Tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
7	Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn			
7.1	- Phát triển và hướng đến đồng bộ các công cụ phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, số hóa, tạo lập dữ liệu, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đất đai nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản
	nhà nước và sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.			
7.2	- Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp nông thôn. Phát triển quản lý chuỗi cung ứng nông sản theo ứng dụng blockchain, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Xây dựng và nhân rộng các mô hình làng thông minh, làng nông thuận thiên ứng dụng công nghệ số.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
7.3	Nghiên cứu, đề xuất chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã chuyển đổi số trong nông nghiệp. Tăng đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng chính quyền điện tử. Phát triển khuyến nông điện tử, thương mại điện tử. Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ cao trong thu thập, quản lý thông tin, phân tích dữ liệu và cảnh báo dịch bệnh, thiên tai; quản lý vùng nguyên liệu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
7.4	- Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh nông nghiệp (quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, cây trồng, vật nuôi, rừng, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thị trường,...). Xây dựng hệ thống số hóa cơ sở dữ liệu về nông nghiệp và liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân sinh, kinh tế, hạ tầng sản xuất, công nghệ, môi trường, khí tượng thủy văn... làm cơ sở cho phân tích, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đầu tư cho chuyển đổi nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
8	Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro			
8.1	- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu để thích ứng, phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo hướng "thuận thiên". Áp dụng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính thông qua quản lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên đầu vào; xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, chất thải nông nghiệp; quản lý và sử dụng bền vững diện tích rừng hiện có; phát triển nông nghiệp sinh thái, đa dạng thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích áp dụng các công nghệ hiện đại, các giống cây trồng, vật nuôi có tính chống chịu cao, xác lập cơ chế giám sát chặt chẽ để thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh, phát thải các-bon thấp. Tăng cường nghiên cứu và chuyển giao các giống vật nuôi, cây trồng thích ứng được với điều kiện biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
8.2	- Phát huy, xây dựng hệ thống cảnh báo, dự báo, xác định rủi ro là cơ sở đề ra các giải pháp đồng bộ, chủ động bảo vệ sản xuất nước các nguy cơ về dịch bệnh, thiên tai, ô nhiễm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản
	môi trường... Nâng cao năng lực phục hồi của hệ thống sản xuất, đảm bảo nguyên tắc phát triển hài hòa các lợi ích xã hội, kinh tế và môi trường.	triển nông thôn	thành phố	hàng năm của đơn vị
9	Đề xuất xây dựng, hoàn thiện và triển khai một số cơ chế, chính sách đột phá Giao các sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh chủ động rà soát, đề xuất với Bộ, ngành trung ương hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tế trên địa bàn Tỉnh như:			
9.1	- Chính sách đất đai + Chủ động phối hợp các ngành, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh hoàn thiện chính sách đất đai trên cơ sở thị trường quyền sử dụng đất như quyền tài sản với nguyên tắc vận hành thuận lợi, chi phí giao dịch thấp, tạo điều kiện cho nông dân mở rộng quy mô sản xuất và sử dụng linh hoạt đất nông nghiệp đạt thu nhập cao; người dân dễ dàng chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn, thế chấp trong thị trường giao dịch thống nhất. Hỗ trợ các nông dân sản xuất hiệu quả tích tụ đất nông nghiệp làm trang trại. Hỗ trợ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận chuyển nhượng, thuê hoặc nhận vốn góp bằng đất nông nghiệp của các hộ nông dân. + Mở rộng chứng nhận đối tượng tài sản trên đất được ghi vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (như nhà kính, nhà lưới,...). Đối với diện tích đất phục vụ mục đích hỗ trợ sản xuất nông nghiệp cho phép xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động trước và sau sản xuất nông nghiệp (như xưởng thiết bị nông nghiệp, logistics, chế biến, lưu trữ, bảo quản nông sản) trên đất nông nghiệp, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định nhu cầu sử dụng đất, cấp phép xây dựng theo quy định hiện hành. + Từng bước mở rộng phạm vi đối tượng được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp cho các tổ chức, cá nhân có đủ tiềm lực về vốn, công nghệ, thực sự đầu tư vào sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch. Công khai minh bạch trong triển khai quy hoạch đất đai về thông tin quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa tập trung cho nông sản chủ lực; rà soát lại cơ cấu 3 loại rừng (rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng) phù hợp với điều kiện thực tế. Nghiên cứu đổi mới hoạt động của Trung tâm phát triển Quỹ đất làm nền tảng để xây dựng “Ngân hàng đất” tạo quỹ đất sạch để kêu gọi đầu tư vào các ngành sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ cho giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất và phát huy hiệu quả quyền tài sản đối với đất nông nghiệp.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
9.2	- Chính sách tài chính, tín dụng + Phát triển thị trường tài chính, tín dụng vi mô, các sản phẩm dịch vụ tài chính mới, củng	Sở Tài Chính, Ngân hàng	Sở, ngành thuộc Ủy ban	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản
	cố và phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân đảm bảo an toàn, hiệu quả. Nghiên cứu giao nhiệm vụ tín dụng phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống nông thôn cho Hội Nông dân và Liên minh hợp tác xã, qua đó hỗ trợ tín dụng cho hợp tác xã, hộ nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh; triển khai các sản phẩm, dịch vụ tài chính đến cả vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, nông nghiệp tuần hoàn, hữu cơ, sinh thái... + Mở rộng các loại tài sản thế chấp vay vốn, điều chỉnh cơ chế định giá theo thị trường cho các tài sản hình thành trên đất phục vụ sản xuất nông nghiệp (trang trại, nhà kính, nhà màng, hệ thống tưới,...) và cả các tài sản vô hình (sở hữu trí tuệ, thương hiệu,...) để đảm bảo vay vốn ngân hàng. Thực hiện cơ chế cho vay theo chuỗi giá trị nông nghiệp, gắn tín dụng sản xuất, cho vay đầu tư, bảo hiểm và các dịch vụ tài chính khác; có quỹ ưu tiên đầu tư cho doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao, bảo quản chế biến, dịch vụ logistics, hạ tầng thương mại, khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp. Áp dụng rộng và đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp yên tâm ứng phó với rủi ro thiên tai, dịch bệnh.	nhà nước chi nhánh Tỉnh	nhân dân Tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	hàng năm của đơn vị
9.3	- Chính sách đầu tư Tăng đầu tư công cho nông nghiệp, điều chỉnh cơ cấu để tăng tỷ lệ đầu tư cho khoa học công nghệ, hạ tầng thương mại, đào tạo nhân lực, bảo đảm liên kết vùng, sản xuất nông nghiệp bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu. Điều chỉnh chiến lược đầu tư công nghiệp và dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn ở các vùng có lợi thế, vùng chuyên canh chính. Phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp (sản xuất vật tư, thiết bị, máy móc đầu vào; công nghiệp chế biến nông sản,...); dịch vụ phục vụ nông nghiệp (kho bãi, vận tải chuyên dụng, thương mại, logistic,...). Đặc biệt ưu đãi phát triển các ngành cung cấp đầu vào và tiêu thụ đầu ra mang tính chất quyết định tạo giá trị gia tăng cho các chuỗi giá trị nông sản chiến lược, đảm bảo để nông nghiệp không rơi vào bẫy “sản xuất gia công”. Đổi mới cơ chế, đơn giản thủ tục, tạo điều kiện khuyến khích thu hút viện trợ quốc tế, đầu tư nước ngoài, đầu tư trong nước vào nông nghiệp, nông thôn.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương	Sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
9.4	- Chính sách thuế Phân cấp, điều chỉnh chính sách thuế, phí ưu đãi hơn cho các doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp, nông thôn, tạo nhiều việc làm cho cư dân nông thôn và tăng nguồn thu ngân sách cho cấp xã, cấp huyện. Cải cách ưu đãi thuế nhằm tạo sự chuyển biến trong phân bổ nguồn lực, khuyến khích và thu hút đầu tư có chọn lọc để phát triển các vùng có điều kiện khó	Cục Thuế Tỉnh, Sở Tài chính	Sở, ngành Tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản
	khăn, đặc biệt khó khăn và một số ngành lĩnh vực quan trọng. Rà soát, cắt, giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính về thuế nhằm rút ngắn thời gian, giảm chi phí và tăng hiệu quả việc đăng ký, khai, nộp, hoàn thuế điện tử, sử dụng hóa đơn điện tử cho doanh nghiệp. Tăng cường ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin trong việc triển khai các thủ tục hành chính liên quan đến thuế, phí như khai, nộp, hoàn thuế.			
9.5	- Chính sách phát triển nguồn nhân lực Đổi mới hoạt động đào tạo nghề cho nông dân, lao động nông thôn. Giao quyền chủ động cho các hợp tác xã, tổ chức nông dân, cộng đồng địa phương và doanh nghiệp tham gia đề xuất yêu cầu, xây dựng nội dung đào tạo kỹ năng về sản xuất nông nghiệp, các ngành nghề phi nông nghiệp, các kỹ năng kinh tế số, công nghệ mới, kỹ năng quản lý kinh tế, xúc tiến thương mại, quản lý tài nguyên, môi trường, bảo vệ sản xuất, ngoại ngữ cho lao động xuất khẩu... theo sát yêu cầu thực tế để gắn với giải quyết việc làm và phù hợp với xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Đào tạo các chuyên gia đầu ngành theo lĩnh vực, ngành hàng. Đào tạo năng lực cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý ngành nông nghiệp về kỹ năng đàm phán, pháp lý, phân tích thị trường, quản lý sinh thái, quản lý trách nhiệm, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh,... Xây dựng chương trình đào tạo “nông dân chuyên nghiệp”, “lao động tay nghề cao”.	Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã Tỉnh	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị
10	Giám sát và đánh giá			
10.1	- Tổ chức giám sát nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu lực thực hiện Kế hoạch làm căn cứ hoạch định chính sách, điều chỉnh kế hoạch và giải pháp kịp thời. Giám sát các chương trình, đề án, dự án thực hiện Kế hoạch thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch 5 năm, hàng năm hoặc đột xuất. Rà soát, điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện thực tiễn. Việc đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch được thực hiện đảm bảo nguyên tắc độc lập, khách quan.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Lồng ghép vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung hàng năm của đơn vị

PHỤ LỤC II
DANH MỤC PHÂN CÔNG THAM MƯU TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRỌNG TÂM
KÈM THEO CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*(Kèm theo Kế hoạch hành động tại Quyết định số 1072 /QĐ-UBND-HC ngày 04 tháng 10 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

TT	Tên Chương trình, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình
I	Thực hiện đột phá chiến lược về hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách và quy hoạch giai đoạn 2021-2030				
1.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Dự án Luật Đất đai (sửa đổi) và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
2.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Hợp tác xã năm 2012 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
3.	Tham mưu hoàn chỉnh Quy hoạch Tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và triển khai thực hiện khi Luật có hiệu lực thi hành	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
4.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
5.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Đề án đổi mới cơ chế chính sách khoa học công nghệ và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
6.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh

TT	Tên Chương trình, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình
II	Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng trong lĩnh vực nông nghiệp; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển nông nghiệp số				
7.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Y tế	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
8.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Kế hoạch quốc gia về chuyển đổi Hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững của Việt Nam và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
9.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
10.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Đề án xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
11.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Đề án phát triển các mô hình kinh tế chia sẻ thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
12.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2021 - 2030 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
III	Đổi mới cơ cấu đầu tư công, thu hút nguồn lực phát triển nông nghiệp, nông thôn				
13.	Tham mưu Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh

TT	Tên Chương trình, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình
	một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa				
14.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2021 - 2025	Ủy ban nhân dân Tỉnh
IV	Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ nền nông nghiệp tích hợp đa giá trị và phát triển nông thôn hiện đại, bền vững				
15.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Đề án về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2021 - 2030 thực hiện đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
V	Phát triển nguồn nhân lực; nâng cao trình độ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ				
16.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Đề án “Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030” và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
17.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
18.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
19.	Triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng Không gian Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Tháp để hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
20.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh

TT	Tên Chương trình, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình
21.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Đề án xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở ngành, địa phương và các cơ quan liên quan	2023	Ủy ban nhân dân Tỉnh
22.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Long động – Thương bình và Xã hội	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
23.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Chương trình nông dân khởi nghiệp và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở ngành, địa phương và các cơ quan liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
VI	Phát triển hợp tác, liên kết các vùng, khu kinh tế, kết nối nông thôn - đô thị; đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh				
24.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Xây dựng	Các sở ngành, địa phương và các cơ quan liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
VII	Phát triển nông thôn; xây dựng xã hội nông thôn văn minh, hiện đại				
25.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở ngành, địa phương và các cơ quan liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
26.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021- 2025 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở ngành, địa phương và các cơ quan liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
27.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Chương trình phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở ngành, địa phương và các cơ quan liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
28.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông	Sở TTTT và các bộ, ngành liên quan, các địa phương	2022	Ủy ban nhân dân

TT	Tên Chương trình, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình
	giai đoạn 2021 - 2025 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	thôn			Tỉnh
29.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành liên quan, các địa phương	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
30.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Đề án cấp nước sạch nông thôn giai đoạn 2021 - 2025 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành liên quan, các địa phương	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
VIII	Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên; bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan				
31.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Kế hoạch hành động thực hiện cam kết của Việt Nam tại COP26 trong lĩnh vực nông nghiệp và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
32.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Đề án phát triển thị trường các bon tại Việt Nam và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài chính, các cơ quan liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
33.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2040 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
34.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
35.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2024	Ủy ban nhân dân Tỉnh

TT	Tên Chương trình, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cấp trình
36.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2022	Ủy ban nhân dân Tỉnh
IX	Đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý ngành nông nghiệp, nông thôn				
37.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Xây dựng, khai thác vận hành cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Nội vụ	Các sở, cơ quan liên quan	2021 - 2023	Ủy ban nhân dân Tỉnh
38.	Tham mưu góp ý hoàn chỉnh Đề án tổng thể sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2022 - 2030 và triển khai thực hiện khi có hiệu lực thi hành	Sở Nội vụ	Các sở, cơ quan liên quan	2022 - 2025	Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Tỉnh